TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ - ST
Ngày 19-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân nhân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T T, sinh năm 1988; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Tổ X, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn T Đ, sinh năm 1983; Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ X, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T Đ chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C ngày 03/01/2007. Việc chung sống, kết hôn là do bà và ông Đ hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bà bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ có một con chung là Nguyễn A K, sinh ngày 08/4/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà. Tại đơn khởi

kiện, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đ nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn T Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Bà T và ông Đ đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt thể hiện không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà T được ly hôn với ông Đ. Về con chung Nguyễn A K, sinh ngày 08/4/2008, hiện nay đang sống cùng bà T. Cháu K có nguyện vọng được sống cùng với bà T nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung Nguyễn A K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T Đ và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn hiện cư trú tại ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn T Đ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T T và bị đơn ông Nguyễn T Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 1/2007 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông Đ đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên

đơn bà T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, thể hiện ông không có thiện chí mong muốn hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2019 ở địa phương nơi bà T và ông Đ sinh sống thì vợ chồng bà T và ông Đ thường hay cãi nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T T được ly hôn với ông Nguyễn T Đ.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà T và Giấy khai sinh số 88, quyển số 1, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Bình Dương thì có căn cứ xác định bà T và ông Đ có một con chung là Nguyễn A K, sinh ngày 08/4/2008. Tại bản tự khai, cháu K có nguyện vọng được sống cùng bà T. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông Đ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án về con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn A K, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao cháu Nguyễn A K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu K phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T T đối với bị đơn ông Nguyễn T Đ về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T T được ly hôn với ông Nguyễn T Đ.

3. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn A K, sinh ngày 08/4/2008 cho bà Nguyễn Thị T T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026128 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Chang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**